

ĐẶC ĐIỂM TÀI NGUYÊN ĐẤT VÀ HƯỚNG SỬ DỤNG BỀN VỮNG ĐẤT NÔNG NGHIỆP TỈNH HẢI DƯƠNG

TS. GVCC. Đàm Văn Bắc

Trưởng P.Đào tạo, Trường Cao đẳng Hải Dương

Điện thoại: 0913.664.968; gmail: xuanbac.hd68@gmail.com

TÓM TẮT

Bài viết giới thiệu: Đặc điểm tài nguyên đất tỉnh Hải Dương, hiện trạng sử dụng đất nông nghiệp của tỉnh trong xu thế Công nghiệp hóa và Đô thị hóa. Từ đó đề xuất định hướng sử dụng bền vững đất nông nghiệp tỉnh Hải Dương tầm nhìn đến năm 2030.

Từ khóa: Đất nông nghiệp, kinh tế nông nghiệp, sự thích nghi, chuyển đổi, phi nông nghiệp.

ABSTRACT

The article introduces characteristics of land resources in Hai Duong province, current status of agricultural land use in the province in the trend of industrialization and urbanization. Based on the analysis, the author proposes orientations for sustainable use of agricultural land in Hai Duong province with a vision to 2030.

Keywords: Agricultural land, agricultural economy, adaptation, transformation, non-agriculture

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Đất đai là tư liệu sản xuất đặc biệt không thể thay thế được của sản xuất nông, lâm nghiệp; là thành phần quan trọng hàng đầu của môi trường sống, là địa bàn phân bố dân cư và là nơi diễn ra các hoạt động kinh tế của con người. Đối với những quốc gia nông nghiệp như nước ta, vấn đề ruộng đất và kinh tế nông nghiệp có vị trí đặc biệt quan trọng. Trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa hiện nay do Đảng ta đề xướng và lãnh đạo thì công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp được xem là mặt trận hàng đầu để phát triển kinh tế đất nước [2].

Hải Dương là một tỉnh nông nghiệp thuộc đồng bằng sông Hồng, có tốc độ công nghiệp hóa, đô thị hóa nhanh, điều này đã gây áp lực lớn đối với

2.1. Đặc điểm tài nguyên đất Hải Dương

Hải Dương có diện tích tự nhiên là 1655,98 km² [4]. Theo Sở Tài nguyên và

đất nông nghiệp. Trong vòng 10 năm, từ năm 2010 đến 2020, diện tích đất nông nghiệp chuyển sang phi nông nghiệp gần 21.264 ha. Đất nông nghiệp chắc chắn sẽ tiếp tục giảm trong điều kiện công nghiệp hóa và đô thị hóa thời gian tới. Diện tích đất nông nghiệp còn lại được sử dụng như thế nào để đảm bảo an ninh lương thực, đáp ứng mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao mức sống dân cư, đó là những vấn đề mà Đảng bộ và nhân dân Hải Dương đang trăn trở [7].

Trên cơ sở nghiên cứu những đặc điểm của tài nguyên đất và hiện trạng sử dụng, bài báo đề xuất một số định hướng phát triển bền vững đối đất nông nghiệp Hải Dương.

2. ĐẶC ĐIỂM VÀ HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG TÀI NGUYÊN ĐẤT HẢI DƯƠNG

Môi trường tỉnh Hải Dương, căn cứ vào tiêu chuẩn của FAO - UNESCO, tài nguyên đất của Hải Dương có thể phân

chia thành hai nhóm đất: Đất đồng bằng và đất đồi núi.

2.1.1. Đất đồng bằng

- Tính trong tổng diện tích điều tra, đất đồng bằng của Hải Dương có diện tích 93.170,08 ha, chiếm 86,86% diện tích. Vùng đồng bằng có các nhóm đất: đất phù sa, đất mặn, đất phèn [5].

+ Nhóm đất phù sa có diện tích lớn nhất 85.852,9 ha, chiếm 80,04% diện tích, chủ yếu được phù sa sông Thái Bình, có xen kẽ phù sa sông Hồng bồi đắp nên tương đối màu mỡ, có giá trị kinh tế cao và thích hợp với các loại cây trồng: cây lương thực, cây công nghiệp ngắn ngày. Đất này được chia thành 2 loại:

* Đất phù sa không được bồi hàng năm: chiếm khoảng 74% diện tích, bị ngăn bởi các hệ thống đê, đất có màu nâu nhạt hoặc xám vàng. Xen kẽ với các loại đất này ở các ô trũng có loại đất phù sa bị glây hóa úng nước mưa vào mùa hạ. Đất này thuận lợi cho trồng lúa nhưng phải cải tạo và xây dựng hệ thống thủy lợi.

* Đất phù sa được bồi hàng năm ven sông Thái Bình và sông Luộc chiếm 3,6% diện tích, phân bố ở ngoài đê. Đất có màu nâu tươi, thành phần cơ giới

thường nhẹ, đất tốt, thích hợp với phát triển cây công nghiệp ngắn ngày, cây hoa màu và rau xanh.

+ Đất nhiễm mặn khoảng 4064,1 ha chiếm 3,78% diện tích, được phân bố ở khu vực Nhị Chiểu, nam Tứ Kỳ, nam Kim Thành và nam Thanh Hà. Là đất triều bãi được bồi phù sa hàng năm, cây lúa 2 vụ năng suất thấp song lại thuận lợi cho việc trồng hoa màu, cây công nghiệp ngắn ngày (cói) và rau xanh.

+ Đất phèn: có 3028,90 ha chiếm 2,82% diện tích, tập trung chủ yếu rìa phía đông nam các huyện Tứ Kỳ, nam Thanh Hà và Nhị Chiểu. Loại đất này có độ phì tiềm tàng cao được hình thành do sản phẩm bồi tụ phù sa có vật liệu sinh phèn, phát triển trong môi trường ngập mặn, khó thoát nước nhưng cần phải cải tạo để đưa vào sản xuất.

- Độ cao tương đối vùng đồng bằng ảnh hưởng rất lớn tới việc sử dụng đất và bố trí cây trồng. Thống kê diện tích theo độ cao tương đối của các loại đất vùng đồng bằng Hải Dương được thể hiện ở bảng sau:

Bảng 1. Diện tích đất vùng đồng bằng theo độ cao tương đối năm 2020.

Đơn vị tính - ha

Loại đất	Tổng DT	Cao	TB	Thấp	Trũng
Mặn	4064,1			3182,77	881,33
Phèn	3028,90			2607,36	421,54
Phù sa	85.852,90	8025,08	19.505,05	18302,36	40020,41
Feralit (xám)	224,18	30,53	0,65	190,38	2,63
Tổng DT đồng bằng	93.170,08	8055,61	19505,7	24282,87	41325,91
% so với đồng bằng	100,00	8,65	20,94	26,06	44,36

Nguồn: Đề án chuyển đổi cơ cấu cây trồng Hải Dương giai đoạn 2010 – 2015 [6]

Địa hình thấp và trũng chiếm tới 70% diện tích vùng đồng bằng, địa hình cao chiếm chưa đến 10%. Như vậy, phần lớn địa hình của đồng bằng thuận lợi cho việc gieo trồng lúa nước và các cây công nghiệp ngắn ngày khác.

- Thành phần cơ giới của tầng đất mặt cũng là một yếu tố quyết định cho việc bố trí cây trồng. Kết quả phân tích thành phần cơ giới của Sở Tài nguyên và

Môi trường Hải Dương cho thấy, lớp đất trên mặt của đồng bằng được phân làm bốn cấp, đó là: đất cát pha, đất thịt nhẹ, đất thịt trung bình và đất thịt pha sét (thịt nặng).

+ Đất có thành phần cơ giới nhẹ (đất cát pha và đất thịt nhẹ) đạt 41.288,3 ha chiếm tới 44,31% diện tích đồng bằng.

+ Đất có thành phần cơ giới trung bình và nặng là 51881,78 chiếm 55,69% diện tích của đồng bằng.

Bảng 2. Diện tích đất vùng đồng bằng phân theo thành phần cơ giới tầng mặt năm 2020

Đơn vị tính - ha

Loại đất	Tổng DT	Cát pha	Thịt nhẹ	Thịt TB	Thịt nặng
Mặn	4064,1	141,12	335,42	3587,56	
Phèn	3028,90	170,58	940,18	1642,85	275,3
Phù sa	85.852,90	12774,77	26696,90	41749,48	4631,75
Feralit (xám)	224,18	0,65	223,53		
Tổng DT đồng bằng	93.170,08	13087,11	28196,04	46979,88	4907,05
% so với đồng bằng	100,00	14,05	30,26	50,42	5,27

Nguồn: Đề án chuyển đổi cơ cấu cây trồng Hải Dương giai đoạn 2010 – 2015 [6]

Dựa vào các chỉ tiêu độ cao tương đối và thành phần cơ giới cho thấy khả năng sử dụng đất bãi ngoài đê và đất phù sa trong đê trên địa hình cao, có thành phần cơ giới nhẹ hoặc trung bình của các loại đất phù sa và đất xám thích hợp với trồng cây công nghiệp. Đất chuyên trồng lúa phân bố trên địa hình trung bình và địa hình thấp gồm các loại đất như phù sa, đất mặn. Đất 2 vụ lúa, một vụ màu là đất phù sa trên các dạng địa hình cao và địa hình thấp. Đất nuôi trồng thủy sản trên một số vùng địa hình trũng của các loại đất phù sa, đất mặn.

- Về độ phì của đất: các loại đất phù sa, đất mặn, đất phèn đều có độ phì ở mức trung bình và khá.

2.1.2. Đất đồi núi

Vùng đồi núi Hải Dương có diện tích không đáng kể, tập trung ở hai huyện Chí Linh và Kinh Môn. Diện tích được điều tra vùng đồi núi là 14.096,02 ha chiếm 13,14% diện tích điều tra toàn tỉnh. Đất này chủ yếu thuộc nhóm đất xám, với các loại đất: đất xám bạc màu trên phù sa cổ, đất xám Feralit trên phiến thạch sét và bột kết; đất xám Feralit trên đá cát và đất xám Feralit biến đổi do trồng lúa nước. Ngoài ra, còn có đất feralit đỏ vàng có diện tích không đáng kể.

- Độ dốc và chiều dày của đất đồi núi là các chỉ tiêu rất quan trọng liên quan mật thiết tới phương thức sử dụng đất vào sản xuất nông nghiệp.

Kết quả điều tra cho thấy:

+ Về độ dốc: Theo PGS.TS Đào Châu Thu, Trung tâm Nghiên cứu và Phát triển nông nghiệp bền vững, Đại học Nông nghiệp Hà Nội, tác giả chia độ dốc của đất nông nghiệp thành 4 cấp:

Bảng 3. Phân cấp độ dốc của đất miền núi ở Hải Dương

TT	Cấp	Độ dốc (°) tương đương
1	Cấp I	< 3
2	Cấp II	3 - 15
3	Cấp III	>15 - 25
4	Cấp IV	>25

Nguồn: Sử dụng đất dốc cho sản xuất nông nghiệp [1]

Hải Dương có khoảng 56% diện tích đất vùng đồi núi có độ dốc từ cấp I đến cấp III thích hợp cho sản xuất nông nghiệp, trong đó độ dốc cấp I, II thích hợp cho nhiều loại cây trồng chỉ chiếm 24% diện tích toàn vùng. Diện tích đất còn lại có tầng mỏng, độ dốc cấp IV chỉ thích hợp cho việc phát triển lâm nghiệp.

Bảng 4. Mức độ thích nghi của đất ở Hải Dương theo loại hình sử dụng năm 2020

Đơn vị tính - ha

Mức độ thích nghi	Loại hình sử dụng đất			
	2 vụ lúa 1 vụ màu	2 vụ lúa	1 vụ lúa 1 vụ màu	Chuyên màu
Thích nghi cao	3.333,20	3.484,23	1.832,72	1.822,72
Thích nghi TB	21.079,21	56.551,07	23.896,42	14.131,92
Thích nghi thấp	70.819,49	32.910,51	17.776,40	13.785,94
Không thích nghi	12.034,20	14.320,20	63.756,56	77.515,52

Nguồn: Đề án chuyển đổi cơ cấu cây trồng Hải Dương giai đoạn 2010 – 2015 [6]

Có thể nói, tiềm năng đất đai cho phát triển nông nghiệp của Hải Dương khá dồi dào. Kết quả điều tra đánh giá chất lượng đất đối với các loại hình sử dụng đất nông nghiệp cho thấy khả năng

+ Về chiều dày: Cũng theo PGS.TS Đào Châu Thu:

* Độ dày cấp I: >120 cm so với toàn nhóm đất;

* Độ dày cấp II: từ 50 – 120 cm;

* Độ dày cấp III: dưới 50 cm

- Độ phì của đất: Đối với vùng đồi núi đất thường có thành phần cơ giới nhẹ và trung bình, trong đất thường lẫn nhiều mảnh đá (15 – 20%). Đất có phản ứng chua (độ pH từ 3-4). Nhìn chung, đất đồi núi của Hải Dương có độ phì thấp.

2.1.3. Đánh giá mức độ thích hợp đất đai đối với các loại hình sử dụng đất

Dựa trên đặc điểm của các loại đất có tính tới yếu tố địa hình, thành phần cơ giới và độ phì của đất cũng như căn cứ vào đặc điểm sinh lý, yêu cầu sinh thái của cây trồng thuộc loại hình sử dụng đất hiện nay ở Hải Dương, chúng tôi chia theo 4 mức độ: thích hợp cao, thích hợp trung bình, thích hợp thấp và không thích hợp. Tổng hợp kết quả mức độ thích hợp của các loại đất chính ở Hải Dương được thể hiện trong bảng sau:

thích hợp cao đối với đất trồng 2 vụ lúa, 2 vụ lúa một vụ màu có 6871,52 ha; thích hợp trung bình có 77.630,28 ha. Đối với cây thực phẩm có khoảng gần 4000 ha thích hợp cao và gần 30.000 ha

thích hợp trung bình. Đây là thuận lợi cơ bản để Hải Dương đẩy mạnh thâm canh, tăng vụ, tăng năng suất, đảm bảo an ninh lương thực cả hiện tại và tương lai không chỉ cho tỉnh mà còn cho xuất khẩu.

2.2. Hiện trạng sử dụng đất nông nghiệp ở Hải Dương

Bảng 5. Tình hình sử dụng đất giai đoạn 2000 - 2020

Chỉ tiêu	Tình hình sử dụng đất (ha)			Tăng/giảm (ha)
	2000	2010	2020	
Tổng diện tích TN	165.598	165.598	165.598	0
Đất nông nghiệp	114.816	105.807	93.552	- 21.264
Đất phi nông nghiệp	49.608	59.231	71.957	+ 22.349
Đất chưa sử dụng	1.174	560	89	- 1085

Hải Dương có vốn đất nông nghiệp khá lớn, năm 2020, vốn đất nông nghiệp đạt 93.552 ha chiếm 56,5% diện tích tự nhiên toàn tỉnh. Tuy nhiên, diện tích đất này đang có xu hướng giảm. Giai đoạn 2000 - 2020, diện tích đất nông nghiệp Hải Dương giảm 21.264 ha. Nguyên nhân cơ bản là do chuyển đổi mục đích sử dụng cho việc phát triển các khu công nghiệp, phát triển đô thị, xây dựng cơ sở hạ tầng.....

Tình hình sử dụng đất cụ thể trong từng ngành như sau:

Theo số liệu thống kê năm 2020, đất đang sử dụng vào mục đích sản xuất nông nghiệp ở Hải Dương hiện có

Nguồn: Niên giám thống kê năm 2009 [4]

93.552 ha, chiếm 56,5% diện tích tự nhiên toàn tỉnh. Trong đó, vốn đất sản xuất nông nghiệp là 72.982 ha, đất lâm nghiệp chỉ có 10.353 ha và diện tích mặt nước nuôi trồng thủy sản là 10.217 ha.

Căn cứ vào đặc điểm và khả năng thích hợp của các loại đất như phân tích ở trên, có thể thấy rằng Hải Dương có thể mạnh để phát triển nông nghiệp. Trong cơ cấu sử dụng đất sản xuất nông nghiệp, đất trồng cây hàng năm chiếm tỷ lệ lớn bao gồm các loại đất trồng lúa, hoa màu và các loại cây công nghiệp ngắn ngày khác.

Bảng 6. Cơ cấu sử dụng đất nông nghiệp giai đoạn 2010 - 2020

Loại đất	Năm 2010		Năm 2020	
	Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)	Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)
Tổng DT đất NN	105.807	100	93.552	100
1. Đất SX nông nghiệp	85.680	81,0	72.982	78,0
1.1. Đất trồng cây HN	70.238	66,4	57.357	61,3
1.2.1. Trong đó lúa	66.579	62,9	56.189	60,1
1.2.2. Các cây khác	3.659	3,5	1.168	1,2
1.2. Đất trồng cây lâu năm	15442	14,6	15.625	16,7
2. Đất lâm nghiệp	10.866	10,3	10.353	11,0

3. Đất nuôi trồng thủy sản	9.261	8,7	10.217	11,0
-----------------------------------	--------------	------------	---------------	-------------

So với năm 2010, cơ cấu sử dụng đất nông nghiệp năm 2020 có sự thay đổi theo xu hướng: đất sản xuất nông nghiệp giảm do chuyển đổi cơ cấu cây trồng, một số diện tích cây hàng năm kém hiệu quả chuyển sang mục đích khác; đất lâm nghiệp giảm do đẩy mạnh công tác trồng cây lâu năm ở hai huyện Chí Linh và Kinh Môn; đất nuôi trồng thủy sản tăng do việc hình thành các trang trại chăn nuôi kết hợp với nuôi thủy sản hoặc chuyển một số chân ruộng trũng sang nuôi trồng thủy sản.

3. HƯỚNG SỬ DỤNG BỀN VỮNG ĐẤT NÔNG NGHIỆP TỈNH HẢI DƯƠNG

3.1. Những căn cứ để xây dựng định hướng sử dụng bền vững đất nông nghiệp tỉnh Hải Dương

3.1.1. Căn cứ vào dân số và nguồn lao động

Dân số Hải Dương năm 2020 là 1,91 triệu người [9]. Với tỷ lệ tăng dân số như hiện nay (1,02% năm 2020)[9] và đang tiếp tục có xu hướng giảm thì số dân toàn tỉnh sẽ đạt 1,95 triệu vào năm 2030 với tỷ lệ tăng dân số tự nhiên ở mức 0,5 - 0,6%.

Lực lượng lao động của Hải Dương sẽ đạt 0,9 - 1,1 triệu lao động, trong đó khu

Nguồn: Niên giám thống kê năm 2009 [4]

vực nông nghiệp sẽ chiếm từ 25 - 35%; lao động công nghiệp chiếm 33 - 40% và lao động dịch vụ sẽ đạt 32 - 35%. Dân số đông, nguồn lao động tăng, nhu cầu sử dụng đất cũng sẽ tăng lên, ảnh hưởng đến quỹ đất nông nghiệp

3.1.2. Căn cứ vào xu hướng biến động sử dụng đất tỉnh Hải Dương

Xuất phát từ tiềm năng đất đai của Hải Dương và hiện trạng sử dụng đất của tỉnh những năm qua. Đất nông nghiệp giảm do quá trình phát triển công nghiệp, đô thị và mở rộng các khu dân cư. Đất lâm nghiệp tăng chậm. Thực tế này sẽ vẫn tiếp diễn trong những năm tới vì mục tiêu phát triển công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

Tuy nhiên, việc dự báo quy mô đất nông nghiệp trong tương lai, ngoài việc căn cứ vào chất lượng còn phải quan tâm đến chiến lược sử dụng tổng quỹ đất đáp ứng các mục tiêu kinh tế xã hội trong các giai đoạn phát triển đến năm 2020 và xa hơn. Vì vậy, từ những căn cứ trên, chúng tôi đưa ra dự báo về xu hướng biến động quỹ đất dự báo như sau:

Bảng 7. Dự báo xu hướng biến động sử dụng đất tỉnh Hải Dương đến năm 2030

Đơn vị tính - ha

Loại đất (ha)	2010	2020	2030
Diện tích tự nhiên	165.598	165.598	165.598
1.Đất nông nghiệp	105.807	93.552	88.415
1.1.Đất SX nông nghiệp	85.680	72.982	68.000
1.2. Đất lâm nghiệp	10.866	10.353	10.200
1.3. Đất nuôi trồng thủy sản	9.261	10.217	9.480
2. Đất phi nông nghiệp	59.231	71.957	77.094

3.Đất chưa sử dụng	560	89	89
---------------------------	------------	-----------	-----------

Nguồn: Đề án chuyển đổi cơ cấu cây trồng Hải Dương giai đoạn 2010 – 2015 [6]

Đất nông nghiệp sẽ giảm nhưng tốc độ giảm chậm lại do chính sách quản lý đất đai, do được bù đắp bởi khai hoang, mở rộng diện tích ở vùng đồi núi Chí Linh, Kinh Môn. Đất phi nông nghiệp tăng do quá trình công nghiệp hóa, đô thị hóa và phát triển dân số. Đất chưa sử dụng giảm chậm vì quỹ đất ở Hải Dương còn không nhiều.

3.2. Định hướng sử dụng bền vững đất nông nghiệp tỉnh Hải Dương

Để góp phần sử dụng hợp lý tài nguyên đất nông nghiệp Hải Dương theo hướng phát triển bền vững, đảm bảo cân bằng sinh thái, bên cạnh những giải pháp chung là xây dựng chiến lược, kế hoạch và quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, trên cơ sở đặc điểm của tài nguyên đất và hiện trạng sử dụng cần có những định hướng cụ thể hơn trong việc sử dụng đất nông nghiệp, đó là:

1) Trong quy hoạch sử dụng đất, cần giữ vững diện tích đất nông nghiệp, bảo vệ nghiêm ngặt quy mô đất nông nghiệp. Tăng cường công tác quản lý của Nhà nước về đất đai, hạn chế đến mức tối đa việc chuyển đất nông nghiệp sang các mục đích khác.

2) Đối với đất nông nghiệp, cần tiếp tục chuyển đổi cơ cấu cây trồng và khai hoang, mở rộng diện tích đất nông nghiệp trên các địa bàn còn tiềm năng. Hướng chủ yếu là tập trung chuyển đổi cơ cấu cây trồng, mùa vụ, tăng hệ số sử dụng đất, nâng cao hiệu quả của đất nông nghiệp.

- Tiếp tục chỉ đạo việc *dồn điền, đổi thửa, khuyến khích các hộ chuyển đổi, chuyển nhượng ruộng đất để tăng*

quy mô diện tích canh tác. Hỗ trợ các doanh nghiệp đầu tư thuê đất sản xuất nông nghiệp theo hướng hình thành các trang trại hoặc các vùng sản xuất tập trung, tạo điều kiện tăng cường cơ giới hóa và đầu tư thâm canh sản xuất lúa hàng hóa.

- *Cải tạo đất đai làm tăng độ phì của đất bằng các biện pháp tăng cường bón phân vi sinh, phân hữu cơ, phân xanh, xử lý các sản phẩm phụ trong nông nghiệp thành phân bón cho đất.* Sử dụng phân vô cơ và hóa chất bảo vệ thực vật hợp lý để không làm ô nhiễm hoặc suy thoái đất.

- *Bảo vệ độ phì của đất bằng các biện pháp xây dựng cơ cấu cây trồng hợp lý trên từng loại đất, luân canh cây trồng để cải tạo đất.* Khi chuyển vụ cần có thời gian cho đất nghỉ; nên cày phơi ải sau thu hoạch kết hợp với bón phân hữu cơ, diệt cỏ dại và những sinh vật gây hại.

3) Đối với vùng đất mặn, đất phèn ở phía đông của tỉnh cần bón nhiều phân hữu cơ, bón vôi để thau chua, rửa mặn, rửa phèn cải tạo đất kết hợp với việc trồng các cây có khả năng chịu được mặn, được phèn. Một trong những hướng chính mà nhân dân Hải Dương đang làm hiện nay là chuyển một phần diện tích đất này thành trang trại chăn nuôi kết hợp với thả cá đem lại hiệu quả kinh tế cao.

4) Đối với đất Feralit xám vùng đồi núi thuộc hai huyện Chí Linh và Kinh Môn do đất phát triển trên địa hình dốc, tầng đất mỏng, dễ bị rửa trôi, xói mòn, vì vậy, hướng chính trong sử dụng bền vững đất nông nghiệp nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng đất của vùng là:

- Đẩy mạnh trồng rừng để che phủ đất chống rửa trôi, xói mòn đất, giữ ẩm và phục hồi độ phì cho đất;

- Đẩy mạnh mô hình nông, lâm kết hợp, phát triển kinh tế trang trại. Kết hợp trồng rừng, chăn thả với trồng trọt theo mô hình RVAC (rừng - vườn - ao - chuồng);

- Đẩy mạnh trồng cây công nghiệp (chè), đưa vải thiều lên vùng đất này nhằm nâng cao hiệu quả cây trồng, vừa giữ đất, giữ nước ngầm đảm bảo môi trường sinh thái.

4. KẾT LUẬN

Với nhiều loại đất đa dạng, phong phú, Hải Dương đã có sự quy hoạch và sử dụng khá hợp lí, nhưng trong những năm gần đây do sự phát triển kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa đã nảy sinh nhiều bất cập trong việc khai

thác, chuyển đổi mục đích sử dụng đất, vì vậy ảnh hưởng đến tài nguyên đất nông nghiệp như diện tích đất chưa được đưa vào sử dụng vẫn còn, đất lâm nghiệp tăng nhưng còn chậm, diện tích đất sử dụng cho nông nghiệp tiếp tục giảm.

Để phát triển bền vững tài nguyên đất nông nghiệp, cần phải có chiến lược quy hoạch sử dụng đất hợp lí, giữ vững diện tích đất nông nghiệp. Tiếp tục chuyển đổi cơ cấu cây trồng, thâm canh, tăng vụ, tăng hệ số sử dụng đất. Tăng cường khai thác đất hoang hóa, đẩy mạnh trồng rừng để chống xói mòn. Bên cạnh đó, cần có các biện pháp cải tạo, bảo vệ độ phì đối với từng loại đất của từng vùng để phát huy lợi thế của nguồn tài nguyên này.

TÀI LIỆU TRÍCH DẪN

- [1]. Đào Châu Thu (2003), *Sử dụng đất dốc cho sản xuất nông nghiệp*, NXB Nông nghiệp Hà Nội.
- [2]. Đặng Kim Sơn (2008), *Nông nghiệp, nông dân, nông thôn Việt Nam hôm nay và mai sau*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
- [3]. Lê Thông (chủ biên) (2002), *Địa lý các tỉnh và thành phố Việt Nam (Tập I)* - NXB Giáo dục, Hà Nội.
- [4]. Tổng cục thống kê (2010), *Niên giám thống kê năm 2009*. NXB Thống kê
- [5]. UBND tỉnh Hải Dương (2000), *Địa lý tỉnh Hải Dương*. Tài liệu lưu hành nội bộ.
- [6]. UBND tỉnh Hải Dương (2010), *Đề án chuyển đổi cơ cấu cây trồng Hải Dương giai đoạn 2010 - 2015*.
- [7]. UBND tỉnh Hải Dương (2004), *Hải Dương - thế và lực mới trong thế kỉ XXI*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
- [8]. Website: <http://www.nongnghiep/Haiduong.gov.vn>
- [9]. Website: <http://www.gso.gov.vn>.